

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**
Bản án số: 94/2025/HNGĐ-ST
Ngày 26/5/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Thị Lệ Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Linh, ông Bùi Văn Hồng

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Vân Nga, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà: Bà [Phạm Thị H](#), Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2025, tại hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 23/2025/TLST-HNGĐ, ngày 14/02/2025 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 5 năm 2025;

- Nguyên đơn: Anh [Nguyễn Đức T](#), sinh năm 1992; địa chỉ: [Thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh](#); Hiện đang lao động tại [S - Mỹ](#), có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị [Nguyễn Thị H1](#), sinh năm 1993; địa chỉ: [Thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh](#); hiện đang lao động tại Mỹ, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị [Võ Thi M](#) trình bày:

- Về hôn nhân: Anh [Nguyễn Đức T](#) và chị [Nguyễn Thị H1](#) đăng ký kết hôn với nhau ngày 28 tháng 02 năm 2014 có đăng ký kết hôn hợp pháp tại [UBND xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh](#). Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc nhưng được một thời gian thì quan điểm, tính tình vợ chồng thay đổi và phát sinh nhiều mâu thuẫn. Tình cảm vợ chồng rạn nứt từ đó và không thể hòa hợp được nữa. Hiện tại, anh [T](#) xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã hết sức trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Vì vậy, anh [T](#) đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị [Nguyễn Thị H1](#)

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: [Nguyễn Gia H2](#), sinh ngày 10/12/2015. Nguyên vọng của anh [T](#) khi ly hôn là đề nghị Tòa án giải quyết giao con

chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng nuôi con chung. Trong thời gian anh T không có mặt tại Việt Nam, anh T thống nhất giao cháu cho bố mẹ đẻ anh T là ông bà Nguyễn Xuân H3 và Chu Thị H4; địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh chăm sóc cháu H2 thay anh T.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết, chị Nguyễn Thị H1 đã gửi văn bản trình bày cơ bản thống nhất như trình bày của anh Nguyễn Đức T về thời gian kết hôn, chung sống, thời gian và lý do xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Chị H1 khẳng định, hiện tại bản thân chị cũng xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị H1 thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị ly hôn. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H1 thống nhất đề nghị Tòa án giao con chung Nguyễn Gia H2, sinh ngày 10/12/2015 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, chị H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung, Trong thời gian anh H2 không có mặt tại Việt Nam, chị H1 thống nhất giao con chung cho ông bà nội cháu là ông bà Nguyễn Xuân H3 và Chu Thị H4; địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh chăm sóc cháu H2 thay anh T. Về tài sản: Chị H1 thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết; đồng thời chị đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc vắng mặt chị.

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến tại phiên toà hôm nay: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại các Điều 28, 37, 48, 49, 51, 196, 227, 469, 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền trình tự thủ tục thu thập chứng cứ đúng pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã cung cấp đầy đủ kịp thời chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án và đã có đầy đủ lời khai tại hồ sơ.

- Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 227, Điều 273, Điều 469, 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55; Điều 57; các Điều 58, 81, 82, 83, 123 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 BLTTDS; Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; điểm a khoản 2, Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao, xử:

+ Về tình cảm: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị H1.

+ Về con chung: Công nhận sự thống nhất thỏa thuận của các đương sự giao con chung Vợ chồng thống nhất giao con chung Nguyễn Gia H2, sinh ngày 10/12/2015 cho anh Nguyễn Đức T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ tuổi trưởng thành. Chị Nguyễn Thị H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Trong thời gian anh Nguyễn Đức T không có mặt tại Việt Nam, tạm giao cháu H2 cho bố mẹ đẻ anh T là ông bà Nguyễn

Xuân H3 và Chu Thị H4; địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh thay mặt anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H2 cho đến khi anh T về nước.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên miễn xem xét.

+ Về án phí: Anh Nguyễn Đức T tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn và giải quyết vấn đề nuôi con; bị đơn chị Nguyễn Thị H1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Tại thời điểm thụ lý vụ án, anh T đang lao động ở Mỹ có chứng nhận hợp pháp hóa Lãnh sự của T1 tại SanFrancisco nên việc Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án do điều kiện công việc nên anh T và chị H1 yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình xét xử. Anh T và chị H1 đều ủy quyền cho chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1993; địa chỉ: Số A, đường H, phường H, tp V, tỉnh Nghệ An thực hiện việc giao, nhận các tài liệu, văn bản tố tụng với Tòa án; Căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị H1 theo thủ tục chung.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] *Về quan hệ tình cảm*: Anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai lừa dối, ép buộc, đảm bảo điều kiện kết hôn và đăng ký đúng quy định của pháp luật, do đó có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh T và chị H1 đều khẳng định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã hết sức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên anh T và chị H1 đều thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy, các đương sự đều thống nhất ý chí đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, việc duy trì hôn nhân giữa anh T và chị H1 là không có ý nghĩa, nên HĐXX có đủ cơ sở công nhận việc thuận tình ly hôn cho anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị H1 theo quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 55, 123 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] *Về con chung*: Xét thấy, anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị H1 đều thống nhất đề nghị Tòa án giao con chung Nguyễn Gia H2, sinh ngày 10/12/2015 cho anh Nguyễn Đức T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ tuổi trưởng thành và trong thời gian anh Nguyễn Đức T không có mặt tại Việt Nam, tạm giao cháu H2 cho bố mẹ đẻ anh T là ông bà Nguyễn Xuân H3 và Chu Thị H4; địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh thay mặt anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H2 cho đến khi anh T về nước. Quá trình giải quyết, cháu H2 cũng đã có đơn nguyện vọng đề nghị

được ở bố, ông bà [Nguyễn Xuân H3](#) và [Chu Thị H4](#)- bố mẹ đẻ anh [T](#) cũng đã có đơn trình bày về việc xin tự nguyện nuôi dưỡng cháu [H2](#) thay anh [T](#) trong thời gian anh [T](#) không có mặt tại Việt Nam có xác nhận của chính quyền địa phương. Để đảm bảo điều kiện sinh sống ổn định và phát triển bình thường về tâm sinh lý của cháu [H2](#), HĐXX xét thấy cần thiết chấp nhận sự thỏa thuận thống nhất của các đương sự, giao con chung [Nguyễn Gia H2](#), sinh ngày 10/12/2015 cho anh [Nguyễn Đức T](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ tuổi trưởng thành và trong thời gian anh [T](#) không có mặt tại Việt Nam, tạm giao cháu [H2](#) cho bố mẹ đẻ anh [T](#) là ông [Nguyễn Xuân H3](#) và bà [Chu Thị H4](#) ở [thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh](#) thay mặt anh [T](#) chăm sóc, nuôi dưỡng cháu [H2](#) cho đến khi anh [T](#) về nước. Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung: Xét sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của anh [T](#) là không trái quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[2.3] *Về tài sản chung*: Xét ý chí cả hai đương sự đều thống nhất tự nguyện không yêu cầu Toà án giải quyết nên miễn xét.

[3] *Về án phí*: Anh [Nguyễn Đức T](#) tự nguyện chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật

Trích B'áo

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 227, Điều 273, Điều 469, 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55; Điều 57; các Điều 58, 81, 82, 83, 123 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 BLTTDS; Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; điểm a khoản 2, Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao xử:

1. *Về hôn nhân*: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh [Nguyễn Đức T](#) và chị [Nguyễn Thị H1](#)

2. *Về con chung*: Công nhận sự thống nhất thỏa thuận của các đương sự giao con chung [Nguyễn Gia H2](#), sinh ngày 10/12/2015 cho anh [Nguyễn Đức T](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ tuổi trưởng thành. Chị [Nguyễn Thị H1](#) không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm.

3. *Về tài sản chung*: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết nên miễn xét.

4. *Về án phí*: Anh [Nguyễn Đức T](#) tự nguyện nộp 150.000 đồng (Một trăm năm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Tính trừ cho anh [T](#) trong số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 000002940155, ngày

14/02/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh. Anh T được nhận lại 150.000đ tiền tạm ứng án phí còn thừa theo Biên lai trên.

5. *Về quyền kháng cáo:* Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt bị đơn, vắng mặt nguyên đơn. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án (hoặc ngày niêm yết công khai bản án theo quy định pháp luật).

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THSDS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình An, huyện Thạch Hà;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Lệ Thu